

Bản án số: **06/2018/HS-PT**

Ngày 05 - 02 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYỀN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hùng

Các Thẩm phán: Ông Hà Văn Chương và Bà Hoàng Thị Minh Khánh

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Hoàng Tân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyền Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyền Quang tham gia phiên tòa:*
Bà Lê Thị Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyền Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2018/TLPT-HS ngày 09 tháng 01 năm 2018 đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn S, Nguyễn Đỗ C1, Nguyễn Khánh C2 và Tô Trọng N, do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 50/2017/HSST ngày 22 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện HY, tỉnh Tuyền Quang.

- *Các bị cáo có kháng cáo:*

1. *Nguyễn Văn T*, sinh năm 1977 tại Tuyền Quang;

Nơi ĐKKHKT: Thôn CĐ, xã TL, huyện HY, tỉnh Tuyền Quang; chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố TC, thị trấn TY, huyện HY, tỉnh Tuyền Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 4/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông: Nguyễn Huy Đ (đã chết); con bà: Lê Thị H, sinh năm 1948; vợ: Lê Thị H, sinh năm 1978; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

+ Bản án hình sự phúc thẩm số 69/2007/HSPT ngày 07/12/2007 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyền Quang xử phạt Nguyễn Văn T 04 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 12 tháng kể từ ngày 07/12/2007, về tội Đánh bạc (tổng số tiền đánh bạc trong vụ án trên 5.000.000đ), Nguyễn Văn T đã chấp hành xong các quyết định của bản án ngày 07/12/2008.

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2010/HSST ngày 08/7/2010 của Tòa án nhân dân huyện CH, tỉnh Tuyên Quang xử phạt Nguyễn Văn T 07 tháng tù, phạt bổ sung 3.000.000đ về tội Đánh bạc (tổng số tiền đánh bạc là 1.650.000đ), Nguyễn Văn T đã chấp hành xong các quyết định của bản án ngày 25/7/2011.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/6/2017 đến ngày 04/8/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. *Có mặt*

2. Nguyễn Khánh C2, sinh năm 1968 tại Tuyên Quang;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ 33, phường PT, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 5/10; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông: Nguyễn Đình P (đã chết); con bà: Phạm Thị C, sinh năm 1930; vợ: Trương Thị H, sinh năm 1974 (đã ly hôn); con: Có 02 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2005; Tiền án: Không;

Tiền sự: 01 tiền sự: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 335/QĐ-XPHC ngày 17/11/2016 của Công an huyện YS, tỉnh Tuyên Quang xử phạt Nguyễn Khánh C2 1.250.000đ về hành vi Đánh bạc.

Nhân thân:

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 71/1988/HSST ngày 02/12/1988 của Tòa án nhân dân tỉnh HT xử phạt bị cáo 18 tháng tù về tội Cướp tài sản của công dân.

+ Nguyễn Khánh C2 còn bị Tòa án nhân dân huyện BQ, tỉnh HG xử phạt về tội Gây rối trật tự công cộng và tội Cố ý gây thương tích tổng hình phạt là 18 tháng tù, tổng hợp với bản án hình sự sơ thẩm số 71/1988/HSST ngày 02/12/1988 của Tòa án nhân dân tỉnh HT buộc bị cáo Nguyễn Khánh C2 phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 36 tháng tù.

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 129/2011/HSST ngày 22/6/2011 của Tòa án nhân dân quận LB, thành phố Hà Nội xử phạt Nguyễn Khánh C2 36 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, đã chấp hành xong bản án ngày 04/01/2014.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/6/2017 đến ngày 04/8/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. *Có mặt*

3. Nguyễn Văn S, sinh năm 1978 tại Tuyên Quang;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ dân phố ĐB, thị trấn TY, huyện HY, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 05/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Văn T (đã chết); con bà: Bùi Thị N, sinh năm 1943; vợ, con: Chưa có; Tiền sự: Không;

Tiền án: 01 tiền án, Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2012/HSST ngày 28/02/2012 của Tòa án nhân dân huyện CH, tỉnh Tuyên Quang xử phạt Nguyễn Văn S 04 tháng tù và phạt bổ sung số tiền là 5.000.000đ về tội Đánh bạc (Tổng số tiền đánh bạc là 16.340.000đ), bị cáo chưa chấp hành hình phạt bổ sung.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 19/6/2017 đến ngày 22/6/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. *Có mặt*

4. Tô Trọng N, sinh năm 1989 tại Tuyên Quang;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn N, xã PL, huyện HY, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Hoa; tôn giáo: Không; con ông: Tô Văn P, sinh năm 1957; con bà: Lương Thị T, sinh năm 1958; vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1989; con: Có 01 con sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 19/6/2017 đến ngày 22/6/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. *Có mặt*

5. Nguyễn Đỗ C1, sinh năm 1981 tại Tuyên Quang;

Nơi ĐKKHKT, chỗ ở: Tổ 20, phường MX, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm 1959; con bà: Đỗ Thị P, sinh năm 1961; vợ: Trịnh Thúy H, sinh năm 1982; con: Có 01 con sinh năm 2003; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 41/STHS ngày 25/8/1999 của Tòa án nhân dân thị xã TQ, tỉnh Tuyên Quang xử phạt Nguyễn Đỗ C1 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản của công dân (tài sản trộm cắp có giá trị dưới 2.000.000đ, Nguyễn Đỗ C1 phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi).

+ Bản án hình sự phúc thẩm số 08/PTHS ngày 16/02/2004 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xử phạt Nguyễn Đỗ C1 15 tháng tù về tội Làm nhục người khác, chấp hành xong các quyết định của bản án tháng 3 năm 2006.

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 101/2006/HSST ngày 17/10/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xử phạt Nguyễn Đỗ C1 04 năm 06 tháng tù về tội Cướp tài sản, đã chấp hành xong các quyết định của bản án ngày 29/11/2009.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/6/2017 đến ngày 04/8/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. *Có mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 16 giờ ngày 19/6/2017, tổ công tác Công an huyện HY, tỉnh Tuyên Quang phát hiện và lập biên bản phạm tội quả tang đối với Nguyễn Văn T, Nguyễn Khánh C2, Nguyễn Văn S, Tô Trọng N, Nguyễn Đỗ C1 đang đánh bạc bằng hình thức súc đĩa, cá cược được thua bằng tiền tại phòng số 12, nhà nghỉ Nhà Sàn của Nguyễn Văn

T thuộc tổ dân phố TC, thị trấn TY, huyện HY, tỉnh Tuyên Quang. Tang vật thu giữ gồm: 01 chiếc chiếu cói, 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 03 quân bạc bằng tre một mặt bôi đen, tiền Việt Nam đồng: 12.671.000đ (*Mười hai triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn đồng*).

Quá trình điều tra xác định: Khoảng 15 giờ 15 phút ngày 19/6/2017, Nguyễn Văn T, Nguyễn Khánh C2, Nguyễn Văn S, Tô Trọng N và Nguyễn Đỗ C1 sau khi đi ăn cơm, uống rượu ở quán Hà Nhị thuộc tổ dân phố TT, thị trấn TY, huyện HY xong rồi đi về nhà Nhà Sàn của T ở tổ dân phố TC, thị trấn TY, huyện HY, tỉnh Tuyên Quang chơi và cùng nhau đánh bạc. T chuẩn bị 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân bạc bằng tre một mặt bôi đen, sau đó T, S, N, Nguyễn Khánh C2 và Nguyễn Đỗ C1 bắt đầu đánh bạc bằng hình thức đánh sóc đĩa, cá cược được thua bằng tiền. S là người sóc cái, mọi người tùy ý chọn cửa chẵn hoặc lẻ để đánh bạc, nếu người đặt cửa chẵn khi mở bát có kết quả chẵn thì người đặt cửa chẵn thắng cược và được lấy về số tiền bằng số tiền đã bỏ ra đặt cược và ngược lại, nếu người đặt cửa chẵn khi mở bát có kết quả là lẻ thì người đặt cược mất số tiền đã bỏ ra đặt cược, sau khi mở bát có 4 quân màu đen hoặc 4 quân màu trắng, 2 quân đen và 2 quân trắng ngửa lên là chẵn; nếu 1 quân đen và 3 quân trắng ngửa lên và ngược lại là lẻ, mức cá cược thấp nhất từ 50.000đ, cao nhất là 200.000đ. Trong khi đánh bạc, N bị thua hết tiền nên đã gọi điện thoại cho Phan Vũ H trú tại tổ dân phố TP, thị trấn TY, huyện HY hỏi vay 10.000.000đ, H đồng ý và nói qua điện thoại với T bảo T đưa cho N 10.000.000đ, sau đó T đã lấy tiền của T đưa cho N 10.000.000đ để N tiếp tục tham gia đánh bạc. Các bị cáo đánh bạc đến 16 giờ cùng ngày thì bị Tổ công tác Công an huyện HY phát hiện và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang cùng toàn bộ tang vật. Số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc được xác định cụ thể như sau: Nguyễn Văn T dùng 129.000đ đánh bạc nhiều ván không thắng không thua, khi bị bắt quả tang có 129.000đ; trong khi đánh bạc T đưa cho N 10.000.000đ để N tiếp tục đánh bạc. Tô Trọng N dùng 10.100.000đ (gồm mang từ nhà đi 100.000đ và T đưa cho 10.000.000đ) đánh bạc nhiều ván thua, khi bị bắt quả tang còn 22.000đ. Nguyễn Đỗ C1 dùng 810.000đ đánh bạc nhiều ván bị thua, khi bị bắt quả tang còn 110.000đ. Nguyễn Khánh C2 dùng 144.000đ đánh bạc hai ván bị thua, khi bị bắt quả tang còn 44.000đ. Nguyễn Văn S là người sóc cái để mọi người đánh bạc; khi bị bắt quả tang bị thu giữ 250.000đ.

Tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc được xác định là 12.101.000đ (*Mười hai triệu một trăm linh một nghìn đồng*).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 50/2017/HSST ngày 22 tháng 11 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện HY, tỉnh Tuyên Quang đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Đỗ C1, Nguyễn Khánh C2, Nguyễn Văn S và Tô Trọng N phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự; xử phạt: Bị cáo Tô Trọng N 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù, được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ 19/6/2017 đến ngày 22/6/2017; phạt tiền 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*).

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự; xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đỗ C1 08 (Tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù nhưng được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ 19/6/2017 đến ngày 04/8/2017; phạt tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*).

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015; xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 07 (Bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù nhưng được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/6/2017 đến ngày 04/8/2017; phạt tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*).

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; đoạn 2 điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật Hình sự. Điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015; xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn S 05 (Năm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù nhưng được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ 19/6/2017 đến ngày 22/6/2017; phạt tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*).

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015; xử phạt: Bị cáo Nguyễn Khánh C2 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù nhưng được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ 19/6/2017 đến ngày 04/8/2017; phạt tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*). Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 27/11/2017, bị cáo Tô Trọng N có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Ngày 01/12/2017, bị cáo Nguyễn Văn S có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 05/12/2017, bị cáo Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 06/12/2017, bị cáo Nguyễn Đỗ C1 và Nguyễn Khánh C2 kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Khánh C2, Nguyễn Văn S xin rút đơn kháng cáo. Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Đỗ C1 giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Tô Trọng N giữ nguyên nội dung kháng cáo xin hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang phát biểu quan điểm:

Về thủ tục kháng cáo của các bị cáo là hợp lệ, đúng pháp luật; trình tự, thủ tục giải quyết vụ án đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Về nội dung giải quyết: Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Khánh C2 tự nguyện rút toàn bộ nội dung đơn kháng cáo, xét việc rút kháng cáo của

bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 348, điểm d khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo.

Đối với hành vi phạm tội và nội dung kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Đỗ C1, Tô Trọng N: Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các quy định của pháp luật để xét xử các bị cáo về tội “Đánh bạc” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra.

Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo: Tô Trọng N xuất trình một Biên lai thu tiền phạt và án phí hình sự phúc thẩm là 4.200.000đ; bị cáo Nguyễn Đỗ C1 xuất trình một Biên lai thu tiền phạt và án phí hình sự phúc thẩm là 3.200.000đ; bị cáo Nguyễn Văn T xuất trình một Biên lai thu tiền phạt và án phí hình sự phúc thẩm là 3.200.000đ và văn bản xác nhận của Cơ quan Công an huyện HY về việc giúp đỡ Cơ quan điều tra phát hiện tội phạm đánh bạc và bị can phạm tội ma túy bỏ trốn có lệnh truy nã. Đây là những tình tiết mới giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cần áp dụng cho các bị cáo N, Cường, T; riêng bị cáo T được áp dụng thêm điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do vậy, căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự, cần chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Tô Trọng N, sửa bản án hình sự sơ thẩm, giữ nguyên mức hình phạt tù, cho bị cáo được hưởng án treo. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Đỗ C1, giảm một phần hình phạt cho các bị cáo là phù hợp.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; xử phạt bị cáo Tô Trọng N 09 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 18 tháng, hạn thử thách tính từ ngày tuyên án hình sự phúc thẩm. Giao bị cáo Nghĩa cho Ủy ban nhân dân nơi cư trú giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách án treo. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248 Bộ luật Hình sự 1999; điểm s, điểm t, điểm x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt Bị cáo Nguyễn Văn T 04 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt, được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/6/2017 đến ngày 04/8/2017. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248 Bộ luật Hình sự 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Nguyễn Đỗ C1 05 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù, nhưng được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ 19/6/2017 đến ngày 04/8/2017. Ghi nhận các bị cáo T, N, Nguyễn Đỗ C1 đã nộp xong khoản tiền phạt và án phí hình sự sơ thẩm, theo bản án hình sự sơ thẩm đã tuyên.

Ý kiến tranh luận của các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Đỗ C1: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để sớm được trở về với gia đình và xã hội. Bị cáo Tô Trọng N xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo được cải tạo tại địa phương.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ 15 giờ 15 phút ngày 19/6/2017 đến 16 giờ cùng ngày, tại phòng số 12 nhà nghỉ Nhà Sàn của Nguyễn Văn T thuộc tổ dân phố TC, thị trấn TY, huyện HY, tỉnh Tuyên Quang, các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Khánh C2, Nguyễn Văn S, Tô Trọng N và Nguyễn Đỗ C1 đã thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh sóc đĩa, với tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 12.101.000đ (*Mười hai triệu một trăm linh một nghìn đồng*). Trong đó: Nguyễn Văn T sử dụng 129.000đ và đưa cho N số tiền 10.000.000đ để đánh bạc; Tô Trọng N sử dụng 100.000đ và được T đưa cho 10.000.000đ để đánh bạc; Nguyễn Đỗ C1 sử dụng 810.000đ đánh bạc; Nguyễn Khánh C2 sử dụng 144.000đ đánh bạc; Nguyễn Văn S không sử dụng tiền để đánh bạc, nhưng là người sóc cái để mọi người đánh bạc.

[2] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội và nội dung đơn kháng cáo của các bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Trong vụ án này các bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc một cách bột phát, không có sự chuẩn bị trước, không xác định ai là người khởi xướng, rủ rê, cầm đầu việc đánh bạc. Chính vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của từng bị cáo để áp dụng các quy định của pháp luật, xử phạt các bị cáo Tô Trọng N 09 (Chín) tháng tù; Nguyễn Đỗ C1 08 (Tám) tháng tù; Nguyễn Văn T 07 (Bảy) tháng tù; Nguyễn Văn S 05 (Năm) tháng tù; Nguyễn Khánh C2 03 (Ba) tháng tù về tội Đánh bạc là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Khánh C2 rút toàn bộ nội dung đơn kháng cáo. Xét việc rút đơn kháng cáo của các bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử Đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo, theo quy định tại Điều 348; điểm d khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Xét nội dung kháng cáo của các bị cáo Tô Trọng N; Nguyễn Văn T, Nguyễn Đỗ C1:

Đối với bị cáo Tô Trọng N là người thực hiện hành vi phạm tội tích cực nhất trong vụ án, sử dụng số tiền mang theo 100.000đ để đánh bạc, sau khi chơi hết tiền lại tiếp tục vay thêm 10.000.000đ để đánh bạc cho đến khi bị bắt; Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo mức án 09 (Chín) tháng tù là phù hợp. Tuy nhiên, trước khi phạm tội này, bị cáo là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện nộp toàn bộ khoản tiền phạt và án phí là 4.200.000đ tại giai đoạn xét xử phúc thẩm; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, trong đó có tình tiết giảm nhẹ mới; nơi cư trú của bị cáo ổn định, rõ ràng. Do vậy, căn cứ vào điểm e khoản 1 điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, không cần thiết cách ly bị cáo ngoài xã hội, cần chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo N, sửa bản án hình sự sơ thẩm, giữ nguyên mức hình phạt tù, cho bị cáo được hưởng án treo, theo quy định tại Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Đỗ C1 thực hiện hành vi phạm tội tích cực sau bị cáo N; cả hai bị cáo đều đã nhiều lần bị kết án, tuy đến nay đã được xóa án tích, nhưng chứng tỏ các bị cáo đều có nhân thân xấu, không có ý thức chấp hành pháp luật tại địa phương. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của từng bị cáo để áp dụng các quy định của pháp luật, xử phạt các bị cáo Nguyễn Đỗ C1 08 (Tám) tháng tù; Nguyễn Văn T 07 (Bảy) tháng tù là phù hợp với tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Đỗ C1 xuất trình một Biên lai thu tiền phạt và án phí hình sự phúc thẩm là 3.200.000đ; bị cáo Nguyễn Văn T xuất trình một Biên lai thu tiền phạt và án phí hình sự phúc thẩm là 3.200.000đ và xác nhận của Cơ quan Công an huyện HY về việc giúp đỡ Cơ quan điều tra phát hiện tội phạm đánh bạc và bị can phạm tội ma túy bỏ trốn có lệnh truy nã. Đây là những tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng cho các bị cáo, (Riêng bị cáo T áp dụng thêm điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015). Do vậy, căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, cần chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Nguyễn Đỗ C1, sửa bản án hình sự sơ thẩm, giảm một phần hình phạt tù cho các bị cáo.

[7] Ghi nhận các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Đỗ C1, Tô Trọng N đã nộp xong khoản tiền phạt và tiền án phí sơ thẩm theo bản án hình sự sơ thẩm đã tuyên.

[8] Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Đỗ C1, Tô Trọng N, Nguyễn Văn S, Nguyễn Khánh C2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 348, điểm đ khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn S và bị cáo Nguyễn Khánh C2;

Căn cứ điều b khoản 1 Điều 355; điểm c, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự đối với các bị cáo Tô Trọng N, Nguyễn Văn T và Nguyễn Đỗ C1;

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Nguyễn Văn S và bị cáo Nguyễn Khánh C2. Bản án hình sự sơ thẩm số 50 ngày 22/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện HY, tỉnh Tuyên Quang xử phạt các bị cáo về tội Đánh bạc có hiệu lực pháp luật kể từ ngày đình chỉ xét xử phúc thẩm (ngày 05 tháng 02 năm 2018).

2. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Tô Trọng N, Nguyễn Văn T, Nguyễn Đỗ C1. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 50/2017/HSST ngày 22 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện HY, tỉnh Tuyên Quang đối với các bị cáo về phần hình phạt tù như sau:

Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 248 Bộ luật Hình sự 1999; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo Tô Trọng N **09** (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách **18** (Mười tám) tháng về tội Đánh bạc, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án hình sự phúc thẩm (ngày 05 tháng 02 năm 2018). Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Phù Lưu, huyện HY, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách án treo. (Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự).

Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 248 Bộ luật Hình sự 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đỗ C1 **05** (Năm) tháng tù về tội Đánh bạc; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào Trại giam để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/6/2017 đến ngày 04/8/2017.

Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm s, t, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T **04** (Bốn) tháng tù về tội Đánh bạc; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào Trại giam để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/6/2017 đến ngày 04/8/2017.

3. Ghi nhận bị cáo Tô Trọng N đã nộp xong khoản tiền phạt 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*), tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tại Biên lai thu tiền số 0001537 ngày 22/01/2018; bị cáo Nguyễn Đỗ C1 đã nộp khoản tiền phạt 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*), tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*), tại Biên lai thu tiền số 0001540 ngày 02/02/2018; bị cáo Nguyễn Văn T đã nộp khoản tiền phạt 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*), tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*), tại Biên lai thu tiền số 0001539 ngày 29/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HY, tỉnh Tuyên Quang.

4. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Khánh C2, Tô Trọng N, Nguyễn Văn T, Nguyễn Đỗ C1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh T.Quang;
- Phòng PV 27 Công an tỉnh T.Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện HY, tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện HY, tỉnh Tuyên Quang;
- Công an huyện HY, tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS huyện HY;
- Bị cáo; Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Minh Hùng